Ký bởi: TRUNG TÂM THÔNG TIN
Giờ ký: 2026-11-06T14:19:01.2604018+07:00
Địa điểm:
Lý do:

ỦY BAN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẮC NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 87/2026/QĐ-UBND	*Bắc Ninh, ngày 29 tháng 10 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam trên địa bàn thành phố Bắc Ninh

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 58/2022/NĐ-CP ngày 31 tháng 8 năm 2022 của Chính phủ về đăng ký và quản lý hoạt động của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài tại Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 313/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ về quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 23/2022/TT-BTC ngày 06 tháng 4 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý tài chính nhà nước đối với nguồn viện trợ không hoàn lại của nước ngoài thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 140/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 9 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 23/2022/TT-BTC ngày 06 tháng 4 năm 2022 của Bộ Tài chính về hướng dẫn quản lý tài chính nhà nước đối với nguồn viện trợ không hoàn lại của nước ngoài thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 576/TTr-STC ngày 22 tháng 9 năm 2026;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam trên địa bàn thành phố Bắc Ninh.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam trên địa bàn thành phố Bắc Ninh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 11 năm 2026.

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố; Thủ trưởng các cơ quan trung ương theo ngành dọc trên địa bàn thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đã ký
Ngô Tân Phượng

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC NINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ

Quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam trên địa bàn thành phố Bắc Ninh

(Ban hành kèm theo Quyết định số 87/2026/QĐ-UBND ngày 29 tháng 10 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Bắc Ninh)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho cơ quan, tổ chức được thành lập hợp pháp tại Việt Nam trên địa bàn thành phố Bắc Ninh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến hoạt động quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức thuộc phạm vi điều chỉnh nêu tại Điều 1 Quy chế này.

2. Bên tiếp nhận viện trợ trong Quy chế này là các cơ quan, tổ chức Việt Nam được thành lập theo pháp luật Việt Nam, có chức năng, nhiệm vụ và hoạt động phù hợp với mục tiêu và nội dung của khoản viện trợ tiếp nhận bao gồm:

a) Các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân thành phố.

b) Tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội, các hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện được thành lập hợp pháp theo quy định của pháp luật Việt Nam về hội do Ủy ban nhân dân thành phố Bắc Ninh ra quyết định thành lập.

c) Các tổ chức khoa học, công nghệ, trung tâm nghiên cứu và phát triển, trung tâm đổi mới sáng tạo được thành lập theo pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi

mới sáng tạo, do Ủy ban nhân dân thành phố ra quyết định thành lập hoặc phê duyệt điều lệ hoặc cấp Giấy đăng ký hoạt động và đáp ứng các điều kiện quy định tại điểm c khoản 3 Điều 2 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP ngày 08/12/2025 của Chính phủ về quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam *(sau đây gọi tắt là Nghị định số 313/2025/NĐ-CP).*

d) Các doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp xã hội có đăng ký kinh doanh tại thành phố Bắc Ninh tiếp nhận viện trợ để thực hiện mục tiêu giải quyết các vấn đề xã hội, môi trường và đáp ứng các điều kiện quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều 2 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP.

3. Bên cung cấp viện trợ trong Quy chế này là các tổ chức, cá nhân nước ngoài có thiện chí, tôn trọng và chấp hành pháp luật Việt Nam, bao gồm:

a) Các tổ chức quốc tế, tổ chức liên chính phủ, tổ chức chính phủ được chính phủ nước ngoài ủy quyền;

b) Các bộ, cơ quan, tổ chức thuộc chính phủ nước ngoài, chính quyền địa phương nước ngoài, cơ quan đại diện ngoại giao của các nước tại Việt Nam trực tiếp cung cấp khoản viện trợ hoặc ủy quyền cho các tổ chức pháp nhân nước ngoài quản lý các khoản viện trợ;

c) Các tổ chức phi chính phủ nước ngoài, tổ chức phi lợi nhuận, các quỹ xã hội, quỹ tư nhân được thành lập theo luật pháp nước ngoài;

d) Các cá nhân nước ngoài, bao gồm cả người Việt Nam định cư ở nước ngoài;

đ) Các doanh nghiệp được thành lập theo luật pháp nước ngoài, không bao gồm các tổ chức kinh tế có vốn nước ngoài hoạt động tại Việt Nam theo quy định của Luật Đầu tư;

e) Các tổ chức nghiên cứu và đào tạo được thành lập theo luật pháp nước ngoài (bao gồm cả các viện nghiên cứu, tổ chức hợp tác thuộc chính phủ nước ngoài).

Điều 3. Nguyên tắc trong quản lý và sử dụng viện trợ

1. Ủy ban nhân dân thành phố thống nhất quản lý nhà nước về viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của cơ quan, tổ chức, cá nhân

nước ngoài cho Việt Nam trên địa bàn thành phố Bắc Ninh trên cơ sở công khai, minh bạch, có phân công, phân cấp, gắn quyền hạn với trách nhiệm, đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ và phát huy tính chủ động của các sở, ban, ngành, ủy ban nhân dân các xã, phường, các tổ chức và các đơn vị thực hiện.

2. Các khoản viện trợ khi được xây dựng và triển khai thực hiện phải tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam và các cam kết với Bên cung cấp viện trợ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Trong trường hợp các quy định hoặc điều kiện viện trợ của Bên cung cấp viện trợ khác với các quy định của pháp luật Việt Nam thì phải tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam.

3. Các nguyên tắc khác thực hiện theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP.

Chương II

THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT KHOẢN VIỆN TRỢ

Điều 4. Thẩm quyền phê duyệt

Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt các khoản viện trợ thuộc thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP.

Điều 5. Hồ sơ dự án, phi dự án

1. Bên tiếp nhận viện trợ, chủ khoản viện trợ/chủ dự án phối hợp với bên cung cấp viện trợ xây dựng hồ sơ văn kiện dự án, phi dự án theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 8 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP.

Mẫu văn kiện dự án, phi dự án quy định tại Phụ lục I, II, III ban hành kèm theo Nghị định số 313/2025/NĐ-CP.

Cam kết viện trợ gồm các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP;

2. Hồ sơ khoản viện trợ được lập thành 03 bộ, các tài liệu bằng tiếng nước ngoài phải có bản dịch tiếng Việt và chủ khoản viện trợ/chủ dự án chịu trách nhiệm về nội dung bản gốc và bản dịch tiếng Việt của tài liệu.

Điều 6. Trình tự, thủ tục thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh dự án, phi dự án

1. Sở Tài chính là cơ quan tiếp nhận hồ sơ thẩm định, chủ trì thẩm định đối với khoản viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố.

2. Trình tự, thủ tục thẩm định thực hiện theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP.

3. Căn cứ kết quả thẩm định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định phê duyệt văn kiện dự án, phi dự án. Nội dung quyết định phê duyệt theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP.

Trường hợp khoản viện trợ không đủ điều kiện tiếp nhận, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả thẩm định, Sở Tài chính báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố và gửi thông báo tới chủ khoản viện trợ/chủ dự án; Ủy ban nhân dân thành phố thông báo cho bên cung cấp viện trợ về quyết định không tiếp nhận viện trợ.

4. Quyết định phê duyệt khoản viện trợ đồng gửi Bộ Tài chính, Bộ Ngoại giao, Bộ Công an và các cơ quan có liên quan để giám sát và phối hợp thực hiện.

Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày cấp có thẩm quyền ban hành quyết định phê duyệt khoản viện trợ, cơ quan chủ quản thông báo cho Bên cung cấp viện trợ về quyết định phê duyệt khoản viện trợ.

5. Điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung dự án, phi dự án trong quá trình thực hiện:

a) Hồ sơ, trình tự, thủ tục thực hiện theo quy định tại Điều 8, Điều 10 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP trong trường hợp việc thay đổi làm tăng vốn đối ứng hoặc tăng vốn viện trợ từ 300.000 đô la Mỹ trở lên. Ngoài các trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 16 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP, các trường hợp điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung khác, Sở Tài chính trình cơ quan chủ quản phê duyệt trên cơ sở đề nghị của chủ dự án.

b) Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày cấp có thẩm quyền ban hành quyết định phê duyệt điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung dự án, cơ quan chủ quản thông báo cho Bên cung cấp viện trợ về quyết định phê duyệt, đồng thời gửi Bộ Tài chính, Bộ Ngoại giao, Bộ Công an và các cơ quan có liên quan Quyết định phê duyệt điều chỉnh của cơ quan chủ quản để giám sát và phối hợp thực hiện.

Chương III
QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG VIỆN TRỢ

Điều 7. Quản lý, sử dụng viện trợ

1. Căn cứ quy mô, tính chất, điều kiện cụ thể thực hiện dự án, năng lực tổ chức quản lý dự án, Ủy ban nhân dân thành phố quyết định áp dụng một trong các hình thức tổ chức quản lý dự án theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP.

2. Chủ khoản viện trợ được xác định tại quyết định phê duyệt tiếp nhận viện trợ. Trên cơ sở quyết định phê duyệt tiếp nhận viện trợ, chủ khoản viện trợ tổ chức bộ máy quản lý dự án và thực hiện quản lý, sử dụng có hiệu quả nguồn viện trợ, vốn đối ứng của dự án theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP.

3. Trường hợp chủ khoản viện trợ thành lập Ban quản lý dự án trên cơ sở hình thức tổ chức bộ máy quản lý và thực hiện dự án được quy định tại Quyết định phê duyệt dự án của cơ quan chủ quản, Ban quản lý dự án thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP.

4. Đối với dự án viện trợ có nội dung đầu tư công, đầu tư xây dựng phải được thực hiện quản lý theo quy định của pháp luật về đầu tư công, đầu tư xây dựng và các quy định khác có liên quan.

5. Bán hàng hóa thuộc khoản viện trợ: Thực hiện theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP.

6. Chậm nhất trong thời hạn 06 tháng sau khi kết thúc khoản viện trợ, chủ dự án tổ chức nghiệm thu, đánh giá và tiến hành các biện pháp cần thiết khác để khai thác, bàn giao kết quả đạt được cho đối tượng thụ hưởng dự án và gửi báo cáo kết thúc dự án đến Ủy ban nhân dân thành phố, Bộ Tài chính.

7. Trường hợp xảy ra tranh chấp liên quan đến hợp đồng trong quá trình thực hiện dự án, phi dự án thực hiện theo quy định tại Điều 19 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP.

Điều 8. Quản lý tài chính nguồn viện trợ

1. Nguyên tắc quản lý tài chính đối với vốn viện trợ: Thực hiện theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP.

2. Mở tài khoản thanh toán cho dự án sử dụng vốn viện trợ: Chủ khoản viện trợ thực hiện mở tài khoản cho dự án theo quy định tại Điều 21 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP.

3. Lập kế hoạch tài chính vốn viện trợ không hoàn lại thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP.

4. Giải ngân, hạch toán và ghi thu ghi chi vốn viện trợ không hoàn lại bằng tiền:

a) Đối với vốn viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước: Thực hiện theo quy định từ khoản 1 đến khoản 6 Điều 23 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP.

b) Đối với vốn viện trợ không thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước: Thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều 23 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP.

5. Vốn đối ứng chuẩn bị thực hiện và thực hiện khoản viện trợ: Thực hiện theo quy định tại Điều 25 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP.

6. Vốn chuẩn bị khoản viện trợ thực hiện theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP.

7. Tiếp nhận vốn viện trợ bằng hàng hóa, thuế đối với các khoản viện trợ, kiểm toán các khoản viện trợ được thực hiện theo quy định tại Điều 24, Điều 26 và Điều 27 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP.

Điều 9. Quản lý tài sản viện trợ

1. Quản lý tài sản đối với tài sản của khoản viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước: Thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý tài sản công.

2. Đối với tài sản của khoản viện trợ không thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước: Thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều 24 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Chế độ báo cáo, kiểm tra, giám sát tình hình tiếp nhận, quản lý và sử dụng viện trợ

1. Chế độ báo cáo về kết quả vận động viện trợ, tình hình tiếp nhận, thực hiện, quản lý, sử dụng viện trợ

a) Các sở, ban, ngành thành phố; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố; Ủy ban nhân dân các xã, phường; Chủ khoản viện trợ báo cáo tình hình tiếp nhận, thực hiện, giải ngân khoản viện trợ định kỳ 06 tháng và hằng năm hoặc đột xuất khi có yêu cầu cho Ủy ban nhân dân thành phố (thông qua Sở Tài chính); báo cáo định kỳ gửi Ủy ban nhân dân thành phố (thông qua Sở Tài chính) chậm nhất vào ngày 10 tháng 7 của năm báo cáo (đối với báo cáo 06 tháng) và ngày 15 tháng 01 của năm tiếp sau (đối với báo cáo hằng năm). Thời điểm chốt số liệu là ngày 30 tháng 6 (đối với báo cáo 06 tháng) và 15 tháng 12 của năm báo cáo (đối với báo cáo hằng năm).

b) Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổng hợp, tham mưu gửi Ủy ban nhân dân thành phố báo cáo kết quả vận động viện trợ, tình hình thực hiện, quản lý, giám sát, đánh giá các khoản viện trợ trên địa bàn thành phố định kỳ hằng năm chậm nhất vào ngày 20 tháng 01 của năm tiếp sau hoặc báo cáo đột xuất khi có yêu cầu.

c) Ủy ban nhân dân thành phố báo cáo định kỳ hằng năm gửi Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan chậm nhất vào ngày 01 tháng 02 của năm tiếp sau.

2. Kiểm tra, giám sát tình hình tiếp nhận, quản lý và thực hiện viện trợ.

a) Sở Tài chính là đầu mối, chủ trì tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện các dự án, phi dự án thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy chế này. Thực hiện xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố xử lý những vấn đề vướng mắc trong việc bố trí vốn đối ứng, giải ngân thực hiện các khoản viện trợ.

b) Công an thành phố: Phối hợp kiểm tra, giám sát việc tiếp nhận và sử dụng viện trợ bảo đảm an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội; chủ động phòng ngừa, phát hiện, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật của tổ chức, cá nhân trong việc tiếp nhận, quản lý, sử dụng các khoản viện trợ nước ngoài.

c) Các sở, ban, ngành thành phố; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố; Ủy ban nhân dân các xã, phường theo chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm phối

hợp với Sở Tài chính, Công an thành phố trong việc kiểm tra, giám sát, đánh giá tình hình tiếp nhận, quản lý và thực hiện viện trợ theo quy định.

Điều 11. Nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan

1. Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố:

a) Tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Quy chế này;

b) Thẩm định tư cách pháp nhân đối với các tổ chức phi chính phủ nước ngoài có Giấy đăng ký hoạt động trên địa bàn thành phố;

c) Chủ trì, phối hợp với Công an thành phố và các cơ quan liên quan, quản lý công tác đoàn vào của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài, tình nguyện viên và các tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện viện trợ nhân đạo trên địa bàn thành phố;

d) Phối hợp với Sở Tài chính, các cơ quan có liên quan thẩm định khoản viện trợ theo quy định;

đ) Phối hợp với Sở Tài chính thực hiện việc kiểm tra, thanh tra, giám sát việc quản lý và sử dụng viện trợ phi chính phủ nước ngoài trên địa bàn thành phố.

e) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và nhiệm vụ do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố giao theo thẩm quyền.

2. Sở Tài chính

a) Là cơ quan đầu mối về quản lý và sử dụng các khoản viện trợ thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy chế này.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định văn kiện dự án, phi dự án viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho thành phố Bắc Ninh trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, phê duyệt các khoản viện trợ thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố.

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố cân đối bố trí vốn đối ứng trong dự toán ngân sách hằng năm cho các đơn vị thuộc đối tượng được cấp ngân sách để thực hiện các khoản viện trợ không hoàn

lại đã cam kết với bên viện trợ theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các quy định có liên quan.

d) Tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố tổng hợp báo cáo tình hình quản lý tài chính đối với các khoản viện trợ, tài sản hình thành từ nguồn viện trợ không hoàn lại theo quy định; chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xét duyệt quyết toán thu chi nguồn vốn viện trợ hằng năm và phê duyệt khi kết thúc dự án theo quy định.

e) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương liên quan tổ chức kiểm tra, giám sát tình hình tiếp nhận và thực hiện các khoản viện trợ trên địa bàn thành phố theo quy định.

g) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan, tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố báo cáo định kỳ (06 tháng/hằng năm) hoặc đột xuất về tình hình tiếp nhận, quản lý, sử dụng viện trợ theo quy định.

h) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và nhiệm vụ do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố giao theo thẩm quyền.

3. Công an thành phố

a) Tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố trong công tác đảm bảo an ninh chính trị, an ninh kinh tế và trật tự an toàn xã hội trong quản lý và sử dụng các khoản viện trợ nước ngoài trên địa bàn thành phố.

b) Phối hợp thẩm định các dự án, phi dự án viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho thành phố Bắc Ninh.

c) Rà soát, xác minh, xét duyệt nhân sự đối với các tổ chức, cá nhân nước ngoài tham gia thực hiện, quản lý, giám sát dự án, phi dự án; quản lý hoạt động xuất nhập cảnh, cư trú và hoạt động của người nước ngoài theo chức năng, nhiệm vụ trên địa bàn thành phố.

d) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và nhiệm vụ do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố giao theo thẩm quyền.

4. Sở Nội vụ

a) Phối hợp thẩm định các dự án, phi dự án viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho thành phố Bắc Ninh (theo đề nghị của Sở Tài chính).

b) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và nhiệm vụ do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố giao theo thẩm quyền.

5. Sở Dân tộc và Tôn giáo

a) Phối hợp thẩm định các dự án, phi dự án viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho thành phố Bắc Ninh.

b) Chủ trì, hướng dẫn và hỗ trợ các cơ quan chấp hành thực hiện đường lối, chính sách dân tộc và tôn giáo của Nhà nước trong quá trình tiếp nhận và sử dụng các khoản viện trợ.

c) Phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện công tác kiểm tra, giám sát việc tiếp nhận, quản lý, sử dụng các khoản viện trợ có liên quan đến dân tộc và tôn giáo theo quy định hiện hành.

d) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và nhiệm vụ do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố giao theo thẩm quyền.

6. Kho bạc Nhà nước khu vực VI

Kho bạc Nhà nước khu vực VI tổng hợp số liệu hạch toán ghi thu, ghi chi vào ngân sách nhà nước vốn viện trợ gửi Sở Tài chính chậm nhất ngày 31/12 hằng năm.

7. Các sở, ban, ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố và các tổ chức chính trị - xã hội thành phố; Ủy ban nhân dân cấp xã và cơ quan, tổ chức liên quan khác trên địa bàn thành phố Bắc Ninh:

a) Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố tổng hợp về tình hình quản lý và sử dụng viện trợ của các tổ chức hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện. Phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện công tác kiểm tra, giám sát việc tiếp nhận, quản lý, sử dụng các khoản viện trợ có liên quan đến các tổ chức hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện theo quy định hiện hành.

b) Căn cứ nhu cầu thực tế của địa phương và chương trình, kế hoạch tăng cường hợp tác và vận động viện trợ phi chính phủ nước ngoài đã được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt theo giai đoạn, phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố trong công tác kết nối, vận động các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài tài trợ các khoản viện trợ cho địa phương.

c) Tổ chức thực hiện việc tiếp nhận, triển khai và quản lý, sử dụng các khoản viện trợ đúng quy định của pháp luật. Không để xảy ra trường hợp tiếp nhận khoản viện trợ khi chưa được Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt. Đối với các khoản viện trợ được các cơ quan Trung ương tiếp nhận theo thẩm quyền, phân bổ về địa phương cần kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố để phối hợp thực hiện đảm bảo quy định.

d) Tham gia thẩm định và đóng góp ý kiến đối với các khoản viện trợ có nội dung liên quan đến lĩnh vực được phân công theo dõi, phụ trách.

đ) Hướng dẫn đôn đốc các đơn vị trực thuộc tiếp nhận, triển khai thực hiện và quản lý các khoản viện trợ theo quy định.

e) Phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện công tác kiểm tra, giám sát việc tiếp nhận, quản lý, sử dụng các khoản viện trợ có nội dung liên quan đến lĩnh vực được phân công theo dõi, phụ trách; kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố khi phát hiện những dấu hiệu, hành vi vi phạm của các tổ chức, cá nhân trong quá trình tiếp nhận và sử dụng viện trợ.

g) Ủy ban nhân dân cấp xã: Tạo điều kiện về mặt bằng và các điều kiện khác (nếu có) để thực hiện các dự án, phi dự án theo nội dung văn kiện đã được phê duyệt; giao đơn vị chuyên môn làm đầu mối trong quản lý, sử dụng các khoản viện trợ trên địa bàn theo quy định.

Điều 12. Điều khoản thi hành

1. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố; Thủ trưởng các cơ quan trung ương theo ngành dọc trên địa bàn thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; các cơ quan, tổ chức và các cá nhân có liên quan căn cứ

chức năng, nhiệm vụ và lĩnh vực quản lý có trách nhiệm triển khai, hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này.

2. Trong quá trình thực hiện Quy chế, nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc cần thiết phải sửa đổi, bổ sung để phù hợp với tình hình thực tế; các cơ quan, đơn vị, địa phương phản ánh kịp thời về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.